Name: _____ **Date:**…/ … /20…

Class: S2 **Tel:** 034 200 9294

GLOBAL ENGLISH 2

Unit 1: A day at school – Grammar 3

A. Grammar.

❖ **Present simple (Thì hiện tại đơn)**

- Câu khẳng định với động từ chỉ hành động:

Công thức	Ví dụ
I/You/We/They + V (nguyên thể) **He/She/It + V** (s/es)	**- I sing.** *(Tôi hát.)* **- He sings.** *(Anh ấy hát.)*

***V:** động từ*

***Lưu ý:**

- Đa số động từ đều được thêm "s" : *makes, walks, reads, sings, draws, writes, uses…*
- Một số động từ được thêm "es" khi đứng sau **He/She/It**: *goes, passes, washes, teaches, watches,…*

B. Homework.

I. Circle the correct answer. (Khoanh tròn đáp án đúng)

0. She _____ books every day.

A. read *(B) reads* *C. reading*

1. Mom _____ the computer in the evening.

A. uses B. use C. using

2. He _____ me how to cook.

A. teach B. teachs C. teaches

3. Bob _____ a white rabbit.

A. draws B. draw C. drawing

4. They _____ to Mary's house at 9 o'clock.

A. goes B. go C. going

5. I _____ fast *(nhanh)*.

A. walks B. walking C. walk

LIVEWORKSHEETS

II. Tick (✓) in the box. (Con hãy đánh dấu ✓ vào ô đúng)

0. *I go to school at 6 o'clock.*	✓	3. She do Maths at 6 o'clock.	
I to school go at 6 o'clock.		She does Maths at 6 o'clock.	
1. It go after me.		4. They watch TV at home.	
It goes after me.		They watches TV at home.	
2. We sing in our room.		5. I makes a red cake.	
We sings in our room.		I make a red cake.	

III. Choose the correct verb form. (Chọn dạng đúng của động từ)

*0. We (**play**) piano every morning.*	*A. plays*	*(B.) play*
1. Joey (**bake**) a cake in the afternoon.	A. bake	B. bakes
2. She (**wash**) her clothes in the evening.	A. washs	B. washes
3. He (**go**) to school every day.	A. goes	B. go
4. They (**teach**) English at school.	A. teach	B. teaches
5. I (**wear**) black pants today.	A. wear	B. wears

IV. Rearrange the sentences. (Con hãy sắp xếp thành câu có nghĩa)

0. go / I / to school / by bike.

⇨ *I go to school by bike.*

1. in the garden. / grows / Danny / a lemon tree

⇨ _____.

2. I / bread / eat / for breakfast.

⇨ _____.

3. at 10 o'clock. / washes / My sister / the dishes

⇨ _____.

4. We / the music / hear / from the TV.

⇨ _____.

LIVEWORKSHEETS

Con nghe bài theo link sau:

https://drive.google.com/file/d/1Ddw-GPBYgHnzd8rtFKyIluWXhG2_n4GL/view?usp=sharing

Link dự phòng: *https://www.youtube.com/watch?v=bUlmROvegvE (00:00 – 5:00)*

Listening

Part 1

- 5 questions -

Listen and draw lines. There is one example.

LIVEWORKSHEETS

I. Write the correct day in the order of time. (Con điền ngày theo thứ tự chính xác)

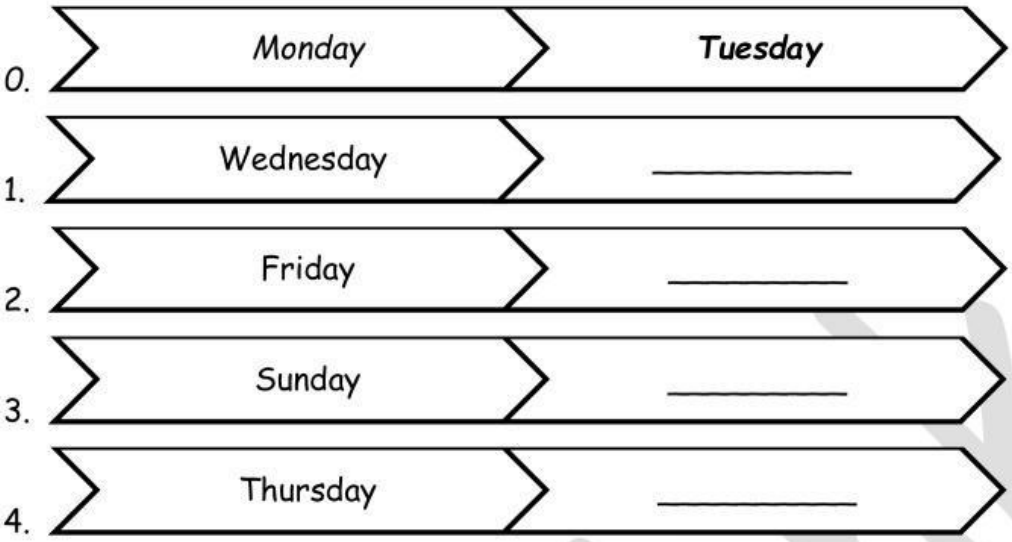

II. Tick (✓) in the box. (Con hãy đánh dấu ✓ vào ô đúng)

0. *I go to school at 6 o'clock.* ✓
   I to school go at 6 o'clock. ☐
1. What time is it? ☐
   What is time it? ☐
2. It's 8 seven o'clock. ☐
   It's seven o'clock. ☐
3. It six o'clock. ☐
   It's six o'clock. ☐
4. John wakes up at 5 o'clock. ☐
   John wakes up in 5 o'clock. ☐
5. I have breakfast 8 o'clock. ☐
   I have breakfast at 8 o'clock. ☐

Stolink

LIVEWORKSHEETS